

# MỘT SỐ KHÓ KHĂN CỦA HỌC SINH KHI HỌC TRỰC TUYẾN TRONG BỐI CẢNH DỊCH BỆNH COVID-19: NGHIÊN CỨU TRƯỜNG HỢP TẠI TRƯỜNG TRUNG HỌC PHỔ THÔNG CHUYÊN NGUYỄN BÌNH KHIÊM, TỈNH VĨNH LONG

**Ngô Thanh Trúc**

Trường Trung học phổ thông chuyên Nguyễn Bình Khiêm, tỉnh Vĩnh Long  
Email: [nttruc@vinhlong.edu.vn](mailto:nttruc@vinhlong.edu.vn)

## Article history

Received: 17/01/2022

Accepted: 19/3/2022

Published: 05/5/2022

## Keywords

Covid-19 pandemic, obstacle, students, online learning

## ABSTRACT

During the serious situation of Covid-19 pandemic over all the world, Vietnam must strictly implement the proposed Covid-19 prevention and control measures. In particular, schools were forced to close to restrain the spread of the disease. Faced with these challenges, Nguyen Binh Khiem High School for the Gifted has shifted to online learning to promptly respond to the complicated developments of the Covid-19 epidemic. This study based on surveys and in-depth interviews from a high school has shown that: encountering Internet connection disruption when learning online, being distracted due to the lack of a private space to study online and often being affected by background noise while learning online are common challenges among online students. It is essential for school leaders as well as authorities at all levels to tackle with support and solutions for learners. Finally, the researcher recommends continuing teacher and student training with knowledge and skills to meet the requirements of digital transformation and strengthening cooperation with parents when they study at home.

## 1. Mở đầu

Do tình hình dịch Covid-19 ngày càng phức tạp, Sở GD-ĐT Vĩnh Long (2021) đã chỉ đạo các trường học trong tỉnh xây dựng Kế hoạch dạy học thích ứng với diễn biến của dịch Covid-19. Trên cơ sở đó, Trường THPT chuyên Nguyễn Bình Khiêm (2021) đã có kế hoạch dạy học trực tuyến thay thế dạy học trực tiếp trong thời gian HS không thể đến trường để học tập vì ảnh hưởng bởi dịch Covid-19 phù hợp với điều kiện thực tiễn của nhà trường, đảm bảo tiến độ thực hiện chương trình trong thời gian HS tạm dừng việc học trực tiếp tại trường; đảm bảo không dạy dồn dập nhiều kiến thức khi HS trở lại trường học trực tiếp và đánh giá được phẩm chất, năng lực HS.

Trước những thách thức của đại dịch này, Trường THPT chuyên Nguyễn Bình Khiêm đã triển khai học trực tuyến để kịp thời ứng phó với diễn biến phức tạp của dịch bệnh Covid-19. Từ thực tế nêu trên, nghiên cứu này đi sâu tìm hiểu một số khó khăn của HS Trường THPT chuyên Nguyễn Bình Khiêm khi học trực tuyến trong bối cảnh dịch bệnh Covid-19 với các nội dung chính như sau: (1) Dịch bệnh Covid-19; (2) Học trực tuyến; (3) Thực trạng học tập trực tuyến của HS; một số khó khăn của HS trong việc học tập trực tuyến; (4) Mối quan hệ giữa các đặc điểm của HS và một số khó khăn của HS trong việc học tập trực tuyến.

## 2. Kết quả nghiên cứu

### 2.1. Dịch bệnh Covid-19 và việc học trực tuyến

Covid-19 là bệnh truyền nhiễm cấp tính thuộc nhóm A do virus SARS-CoV-2 gây ra, lây truyền từ người sang người, đặc biệt nguy hiểm, có khả năng lây truyền nhanh, phát tán rộng và tỉ lệ tử vong cao, việc lây nhiễm có thể diễn ra ngay trước khi các triệu chứng xuất hiện. Theo Bộ Y tế, đến nay chưa có thuốc điều trị đặc hiệu và vắc xin phòng bệnh, việc phòng bệnh chủ yếu dựa vào biện pháp vệ sinh cá nhân, phát hiện và cách li sớm, giám sát chặt chẽ các trường hợp bệnh nghi ngờ, phòng chống lây truyền tại cộng đồng và vệ sinh môi trường (Bộ Y tế, 2020).

Theo kết quả điều tra, laptop được xem là thiết bị học tập trực tuyến được sử dụng rộng rãi và phổ biến hơn cả (chiếm 56,1%) vì tính tiện lợi và hiệu quả của nó. 36,2% HS dùng điện thoại di động làm phương tiện học trực tuyến. Công trình nghiên cứu của Jessica và cộng sự (2013) cũng cho thấy sự thuận tiện của việc lựa chọn điện thoại di động như là thiết bị hỗ trợ học tập trực tuyến do có hệ điều hành và cài đặt các ứng dụng, hoạt động như các máy tính, có khả năng truy cập Internet và giải trí ở bất kỳ nơi nào cũng như tạo sự thuận tiện cho người học học tập bất cứ lúc nào và bất

cứ nơi nào. Nhưng so với laptop hay máy tính bàn thì mức độ hiệu quả của việc học tập trực tuyến bằng điện thoại di động vẫn còn là vấn đề cần được quan tâm và xem xét cụ thể hơn. Nghiên cứu của Unicef (2020) chỉ rõ nhiều HS gặp khó khăn khi không có các thiết bị điện tử cũng như kết nối Internet. Jessie và cộng sự (2021) cũng báo cáo những thách thức về kỹ thuật (kết nối Internet và tiện ích kém của các công cụ), phương pháp luận (phân phối nội dung) và hành vi (tính cách cá nhân) khi nghiên cứu những thách thức học tập trực tuyến của HS, sinh viên Philippine trong thời kỳ đại dịch. Công trình nghiên cứu của Almaiah và cộng sự (2020) đã xác định các yếu tố quan trọng ảnh hưởng đến việc sử dụng hệ thống E-Learning và các trường cần nhắc đưa chúng vào kế hoạch trong tương lai là: yếu tố công nghệ, yếu tố chất lượng hệ thống E-Learning, các khía cạnh văn hóa, các yếu tố hiệu quả bản thân và các yếu tố tin cậy.

## 2.2. Một số khó khăn của học sinh trong việc học tập trực tuyến

Từ đầu năm học 2021-2022, Trường THPT chuyên Nguyễn Bình Khiêm tổ chức dạy học trực tuyến tất cả các môn trong chương trình phổ thông hiện hành, dạy đầy đủ tiết chuẩn theo Quyết định số 16/2006/QĐ-BGDĐT ngày 05/5/2006 của Bộ GD-ĐT về ban hành Chương trình giáo dục phổ thông (Bộ GD-ĐT, 2006) và tiết tự chọn, Công văn số 10803/BGDĐT-GDTrH ngày 16/12/2009 của Bộ GD-ĐT về việc hướng dẫn thực hiện Chương trình chuyên sâu các môn chuyên cấp THPT (Bộ GD-ĐT, 2009). Tổ chức dạy học trực tuyến theo Thông tư số 09/2021/TT-BGDĐT ngày 30/3/2021 của Bộ GD-ĐT quy định về quản lý và tổ chức dạy học trực tuyến trong cơ sở giáo dục phổ thông và cơ sở giáo dục thường xuyên (Bộ GD-ĐT, 2021), nhà trường chọn hệ thống K12Online của Viettel xây dựng và phát triển để thực hiện việc quản lý, tổ chức dạy học trực tuyến thống nhất trong nhà trường. Mỗi GV và HS đều có tài khoản riêng, do nhà trường quản lý phối hợp với Viettel. Tài khoản của HS và GV được xác định theo mã số định danh cá nhân của HS và GV được cấp từ cơ sở dữ liệu ngành Giáo dục.

Là chủ thể của quá trình học tập, việc chuyển đổi từ hình thức học tập truyền thống sang học tập trực tuyến đặt ra cho HS những thay đổi cần thiết để đảm bảo hoạt động trực tiếp được diễn ra đúng yêu cầu. Theo đó, HS cũng đã có những thích nghi nhất định trong việc sử dụng các phương tiện/thiết bị học tập trực tuyến. Trong quá trình dạy học trực tuyến, địa điểm học tập được xem là một trong những yếu tố quan trọng quyết định đến chất lượng học tập của HS. Kết quả khảo sát cho thấy rằng, đa phần HS học tập trực tuyến tại gia đình (chiếm 98,7%). Tuy nhiên, đáng chú ý có 1,3% HS vẫn phải học nhờ nhà bạn do thiếu phương tiện học tập, thiết bị kết nối hoặc có vấn đề về đường truyền mạng. Qua quá trình khảo sát, nhiều HS vẫn cho rằng bản thân còn gặp phải một số khó khăn và rào cản nhất định trong quá trình học tập trực tuyến xuất phát từ chủ thể là người học và các tác động từ môi trường bên ngoài. Do đó, chúng tôi đã tiến hành nghiên cứu những khó khăn mà HS phải đối mặt trong việc học tập trực tuyến.

**Thang đo:** Để tìm hiểu những khó khăn mà HS phải đối mặt trong việc học tập trực tuyến, chúng tôi đã thiết kế bảng hỏi trên hệ thống Google form. Thang đo bao gồm 11 biến đo lường theo thang đo Linkert 5 mức độ lựa chọn (1: “Rất đồng ý”, 2: “Đồng ý”, 3: “Không ý kiến”, 4: “Không đồng ý”, 5: “Rất không đồng ý”) và 2 thông tin về đặc điểm của HS. Bảng hỏi đã được gửi trực tuyến tới 1011 HS trong khảo sát tháng 12/2021. Kết quả thu được 669 phiếu hợp lệ. Thông tin về mẫu khảo sát 669 HS như sau: 58,7% HS chuyên các môn thuộc ngành Khoa học tự nhiên (Toán, Vật lý, Hóa học, Sinh học, Tin học,) 29,4% HS chuyên các môn thuộc ngành Khoa học xã hội (Ngữ văn, Lịch sử, Tiếng Anh), và 11,8% HS không chuyên (định hướng khoa học tự nhiên); 58,3% HS nữ và 41,7% HS nam.

Sử dụng phần mềm SPSS 18.0 phân tích độ tin cậy, phân tích nhân tố khám phá EFA, phân tích định lượng, định tính của kết quả nghiên cứu thu được, phân tích tương quan của mối quan hệ tuyến tính giữa một vài biến số. Kết quả phân tích: Tất cả các tiêu chí đều phù hợp, các tiêu chí của phép đo có tính đồng nhất ( $KMO = 0.887 > 0.5$ , sig Bartlett's Test =  $0.000 < 0.05$ ) và đều đóng góp cho độ tin cậy của toàn bộ phép đo. Trong quá trình khảo sát thực tế, có thể thấy, mặc dù đã có sự chuẩn bị và thích nghi kịp thời, song hoạt động dạy học trực tuyến vẫn đặt ra một số khó khăn đối với HS do các yếu tố chủ quan và khách quan gây ra.

### (1) Khó khăn khách quan

Bảng 1. Thống kê, mô tả “Một số khó khăn khách quan của HS trong việc học tập trực tuyến”

Chỉ báo	Đại lượng	Trung bình (TB)	Độ lệch chuẩn (ĐLC)
Không gian/địa điểm học tập bất tiện		3,69	0,907
Kết nối internet không ổn định hoặc không có mạng internet		2,63	1,188
Phương tiện học tập (máy tính, điện thoại) không đảm bảo		3,46	1,056
Thầy, cô không/ít tương tác với HS		4,06	0,549
Thầy, cô giảng dạy rất nhanh		3,47	1,012
Thầy, cô giao nhiều nhiệm vụ trong tiết với thời gian ngắn		3,44	1,029

Kết quả khảo sát, thống kê cho thấy: - Giá trị trung bình (GTTB) từ 2,63-4,06; ĐLC từ 0,549-1,188; - 94,5%-98,6% người được hỏi đều đánh giá “Không đồng ý” và “Rất không đồng ý” có khó khăn về “Không gian/địa điểm học tập bất tiện”, “Phương tiện học tập (máy tính, điện thoại) không đảm bảo”, “Thầy, cô không/ít tương tác với HS”, “Thầy cô giảng dạy rất nhanh”, “Thầy, cô giao nhiều nhiệm vụ trong tiết với thời gian ngắn”, có 88,9% HS trả lời “Đồng ý” và “Rất đồng ý” về “Kết nối Internet không ổn định hoặc không có mạng Internet”. 94,5%-98,6% HS không gặp khó khăn về không gian/địa điểm học tập, phương tiện học tập, phương pháp giảng dạy và nội dung truyền tải của GV và 88,9% HS gặp khó khăn về kết nối internet khi học trực tuyến.

(2) *Khó khăn chủ quan*

Bảng 2. Thống kê, mô tả “Một số khó khăn chủ quan của HS trong việc học tập trực tuyến”

Chỉ báo	Đại lượng	Trung bình (TB)	Độ lệch chuẩn (ĐLC)
HS thiếu kỹ năng tương tác với GV		3,27	1,059
HS có tâm lý chán nản, không hứng thú với việc học trực tuyến		3,51	1,034
Kỹ năng sử dụng phương tiện, thiết bị công nghệ thông tin của HS còn hạn chế		3,7	0,938
HS không có động lực/động lực giảm dần để hoàn thành nhiệm vụ, duy trì sự tham gia và tiến bộ		3,33	1,09
HS bị phân tâm bởi không có không gian riêng tư để học tập trực tuyến và thường bị ảnh hưởng bởi tiếng ồn xung quanh		2,63	1,184

Kết quả khảo sát, thống kê cho thấy: - Giá trị trung bình (GTTB) từ 3,02-3,7; ĐLC từ 0,938-1,184; - 96,2%-97,6% người được hỏi đều đánh giá “Không đồng ý” và “Rất không đồng ý” về thiếu kỹ năng tương tác với GV, sử dụng phương tiện, thiết bị công nghệ thông tin, có tâm lý chán nản, không hứng thú với việc học trực tuyến, không có động lực/động lực giảm dần để hoàn thành nhiệm vụ, duy trì sự tham gia và tiến bộ. Có 81,9% HS đều đánh giá “Đồng ý” và “Rất đồng ý” về bản thân bị phân tâm bởi không có không gian riêng tư để học tập trực tuyến và thường bị ảnh hưởng bởi tiếng ồn xung quanh, 96,2%-97,6% HS không gặp khó khăn trong kỹ thuật học trực tuyến chính vì thế không ảnh hưởng đến tâm lý và động lực để hoàn thành nhiệm vụ, duy trì sự tham gia và tiến bộ; 81,9% HS bị phân tâm bởi không có không gian riêng tư để học tập trực tuyến và thường bị ảnh hưởng bởi tiếng ồn xung quanh.

Từ 2 đặc điểm của HS về HS chuyên/HS không chuyên, đặc điểm về giới và một số khó khăn chủ quan của HS khi học trực tuyến, chúng tôi đặt 8 giả thuyết về mối quan hệ giữa các đặc điểm của HS và một số khó khăn chủ quan của HS khi học trực tuyến như sau:

- Giả thuyết H1: Không có sự khác biệt về HS chuyên và HS không chuyên và kỹ năng tương tác của HS với GV;  
 - Giả thuyết H2: Không có sự khác biệt HS chuyên và HS không chuyên và HS có tâm lý chán nản, không hứng thú với việc học trực tuyến;  
 - Giả thuyết H3: Không có sự khác biệt HS chuyên khoa học tự nhiên và khoa học xã hội và kỹ năng sử dụng phương tiện, thiết bị công nghệ thông tin của HS còn hạn chế;  
 - Giả thuyết H4: Không có sự khác biệt HS chuyên và HS không chuyên và HS không có động lực/động lực giảm dần để hoàn thành nhiệm vụ, duy trì sự tham gia và tiến bộ;  
 - Giả thuyết H5: Không có sự khác biệt về đặc điểm giới tính của HS và HS thiếu kỹ năng tương tác với GV;  
 - Giả thuyết H6: Không có sự khác biệt đặc điểm giới tính của HS và HS có tâm lý chán nản, không hứng thú với việc học trực tuyến;  
 - Giả thuyết H7: Không có sự khác biệt đặc điểm giới tính của HS và kỹ năng sử dụng phương tiện, thiết bị công nghệ thông tin của HS còn hạn chế;  
 - Giả thuyết H8: Không có sự khác biệt đặc điểm giới tính của HS và HS không có động lực/động lực giảm dần để hoàn thành nhiệm vụ, duy trì sự tham gia và tiến bộ.

Kết quả phân tích phương sai ANOVA:

Giả thuyết H1: Kiểm định Levene có  $Sig.\alpha = 0,08-0,513 (>0,05)$  nên chấp nhận giả thuyết phương sai của kỹ năng tương tác của HS với GV là bằng nhau giữa các HS chuyên và HS không chuyên (độ tin cậy 95%).

Giả thuyết H2: Kiểm định Levene có  $Sig.\alpha = 0,05-0,841 (>0,05)$  và Bảng ANOVA cho kết quả  $Sig.\alpha > 0,05$  nên chấp nhận giả thuyết H2 ở độ tin cậy 95%, có nghĩa là không có sự khác biệt có ý nghĩa thống kê về HS có tâm lý chán nản, không hứng thú với việc học trực tuyến giữa các HS chuyên và HS không chuyên.

Bảng ANOVA cho kết quả:

-  $Sig.\alpha$  của biến số “Kỹ năng sử dụng phương tiện, thiết bị công nghệ thông tin của HS còn hạn chế”  $< 0,05$  nên bác bỏ giả thuyết H3 cho các biến số ở độ tin cậy 95%, có nghĩa là có sự khác biệt có ý nghĩa thống kê về Kỹ năng

sử dụng phương tiện, thiết bị công nghệ thông tin của HS giữa các HS chuyên khoa học tự nhiên và khoa học xã hội mức ý nghĩa 95%.

Kết quả GTTB của các biến số về “Kĩ năng sử dụng phương tiện, thiết bị công nghệ thông tin của HS còn hạn chế” có sự khác biệt có ý nghĩa thống kê giữa HS chuyên ngành Khoa học tự nhiên và Khoa học xã hội. GTTB của HS chuyên ngành khoa học tự nhiên luôn lớn hơn GTTB của HS chuyên ngành khoa học xã hội.

- Sig. $\alpha$  của các biến số còn lại >0,05 nên chấp nhận giả thuyết H2 ở độ tin cậy 95%, có nghĩa là không có sự khác biệt có ý nghĩa thống kê về HS có tâm lí chán nản, không hứng thú với việc học trực tuyến giữa HS chuyên và HS không chuyên.

Giả thuyết H4 và các giả thuyết H5, H6, H7, H8: Kiểm định Levene có Sig. $\alpha$  = 0,05-0,841 (>0,05) và Bảng ANOVA cho kết quả Sig. $\alpha$  >0,05 nên chấp nhận các giả thuyết H4, H5, H6, H7, H8 ở độ tin cậy 95%, có nghĩa là không có sự khác biệt có ý nghĩa thống kê về HS không có động lực/động lực giảm dần để hoàn thành nhiệm vụ, duy trì sự tham gia và tiến bộ giữa các HS chuyên và HS không chuyên, không có sự khác biệt có ý nghĩa thống kê về HS thiếu kĩ năng tương tác với GV, HS có tâm lí chán nản, không hứng thú với việc học trực tuyến, kĩ năng sử dụng phương tiện, thiết bị công nghệ thông tin của HS còn hạn chế, HS không có động lực/động lực giảm dần để hoàn thành nhiệm vụ, duy trì sự tham gia và tiến bộ và đặc điểm giới tính của HS.

Kết quả thống kê, mô tả còn cho thấy khó khăn của HS khi học trực tuyến trong bối cảnh dịch bệnh Covid-19 ở mức độ “Không đồng ý” và “Rất không đồng ý” chiếm ưu thế (95,8%) so với “Đồng ý” và “Rất đồng ý” (5,5%), Kết quả phân tích này phù hợp 94,5%-97,6% HS không gặp khó khăn khi học trực tuyến trong bối cảnh dịch bệnh Covid-19.

Tóm lại, kết quả nghiên cứu cho thấy, đa số HS Trường THPT chuyên Nguyễn Bình Khiêm không gặp khó khăn khi học trực tuyến trong bối cảnh dịch bệnh Covid-19. Khó khăn khi học trực tuyến trong bối cảnh dịch bệnh Covid-19 là bằng nhau giữa các đặc điểm của HS; Đa số không có sự khác biệt có ý nghĩa thống kê về mối quan hệ giữa các đặc điểm của HS và khó khăn của HS khi học trực tuyến trong bối cảnh dịch bệnh Covid-19.

### **2.3. Đánh giá chung về mối quan hệ giữa các đặc điểm của học sinh và một số khó khăn của học sinh khi học trực tuyến trong bối cảnh dịch bệnh Covid-19**

Kết quả nghiên cứu cho thấy 94,5%-97,6% không gặp khó khăn khi học trực tuyến trong bối cảnh dịch bệnh Covid-19. Kết quả này rất có ý nghĩa khi nhà trường phải linh hoạt các hình thức học tập (trực tiếp và trực tuyến) trong bối cảnh dịch bệnh Covid-19 đang diễn biến khó lường.

Khó khăn của HS khi học trực tuyến trong bối cảnh dịch bệnh Covid-19 là bằng nhau giữa các đặc điểm của HS. Đa số các biến số khảo sát (96%) không có sự khác biệt có ý nghĩa thống kê về mối quan hệ giữa các đặc điểm của HS và khó khăn của HS khi học trực tuyến trong bối cảnh dịch bệnh Covid-19.

Có sự khác biệt có ý nghĩa thống kê (mức ý nghĩa 95%) về kĩ năng sử dụng phương tiện, thiết bị công nghệ thông tin của HS giữa các HS chuyên các môn thuộc ngành khoa học tự nhiên và khoa học xã hội.

Vẫn còn 1 bộ phận HS (5,5%) gặp khó khăn khi học trực tuyến trong bối cảnh dịch bệnh Covid-19. Đặc biệt, có 29,3% HS “Đồng ý” và “Rất đồng ý” chỉ báo “Kĩ năng sử dụng phương tiện, thiết bị công nghệ thông tin của HS còn hạn chế”. Thực tế nhiều HS chuyên các môn khoa học xã hội và nhân văn (Ngữ văn, Lịch sử, Tiếng Anh) thao tác học trực tuyến trên các thiết bị công nghệ thông tin cũng như khai thác các ứng dụng trên nền tảng các giải pháp dạy học trực tuyến còn nhiều hạn chế (đù nhà trường đã tập huấn sử dụng và có đội ngũ kĩ thuật hỗ trợ 24/7).

### **3. Kết luận**

Kết quả nghiên cứu đã mở rộng hiểu biết của chúng tôi về những thách thức khác nhau mà HS có thể phải đối mặt khi Trường chuyển sang học trực tuyến hoàn toàn. Kết quả nghiên cứu cho thấy 94,5%-97,6% HS của Trường có thái độ sẵn sàng học trực tuyến và không gặp khó khăn khi học trực tuyến trong bối cảnh dịch bệnh Covid-19. Kết quả thể hiện đa số HS thích nghi với môi trường học tập mới và sử dụng thành thạo các phần mềm, ứng dụng hỗ trợ tích cực trong các hoạt động giáo dục như: K12Online, Zoom, Google meet khi tổ chức dạy học trực tuyến. Kết quả này rất có ý nghĩa, bởi lẽ: nguy cơ dịch Covid-19 vẫn tiềm ẩn và có thể bùng phát bất cứ lúc nào nếu chúng ta chủ quan, lơ là. Trong trạng thái “bình thường mới”, để đảm bảo chất lượng cho việc dạy trực tuyến, trước tiên, kho học liệu của trường và GV phải đa dạng và bám sát chương trình, sách giáo khoa. Khi kho học liệu phong phú, GV sẽ dễ dàng hơn trong việc thiết kế bài giảng. Bản thân GV cũng phải thay đổi cách tổ chức và phương pháp dạy thông qua việc giảm thời gian thuyết trình bài giảng, tăng việc tương tác, bổ sung thêm hình ảnh trực quan, clip, hỗ trợ HS liên hệ thực tế và tóm tắt nội dung trọng tâm trong từng phần. Từ đó không chỉ thu hút HS tham gia vào nhiệm vụ học tập, mà còn kết nối các em với các nguồn tài nguyên không giới hạn, điều này sẽ nâng cao giá trị giáo dục.



Kết quả nghiên cứu cho thấy, nhiều HS gặp khó khăn về kết nối Internet khi học trực tuyến và bị phân tâm bởi không có không gian riêng tư để học tập trực tuyến và thường bị ảnh hưởng bởi tiếng ồn xung quanh (lần lượt là 88,9% và 81,9%); Kỹ năng sử dụng phương tiện, thiết bị công nghệ thông tin của HS chuyên các môn ngành Khoa học xã hội còn hạn chế. Những phát hiện đã chỉ ra môi trường học tập là thách thức lớn nhất mà HS cần phải vượt qua, đặc biệt là sự phân tâm ở nhà (hạn chế về không gian học tập và tiếng ồn) và hạ tầng Internet.

Kết quả này sẽ giúp lãnh đạo Nhà trường có giải pháp hỗ trợ HS về hạ tầng kỹ thuật, kỹ năng sử dụng phương tiện, thiết bị công nghệ thông tin cũng như tham vấn gia đình HS tạo môi trường học tập tốt nhất nhằm nâng cao thể mạnh của việc học trực tuyến - một xu thế không thể bỏ qua trong thời đại công nghệ số.

#### Tài liệu tham khảo

- Almaiah, M. A., Al-Khasawneh, A., & Althunibat, A. (2020). Exploring the critical challenges and factors influencing the E-Learning system usage during Covid-19 pandemic. *Education and Information Technologies*, 25, 5261-5280. <https://doi.org/10.1007/s10639-020-10219-y>
- Bộ GD-ĐT (2006). *Quyết định số 16/2006/QĐ-BGDĐT ngày 05/5/2006 về ban hành Chương trình giáo dục phổ thông.*
- Bộ GD-ĐT (2009). *Công văn số 10803/BGDĐT-GDTrH ngày 16/12/2009 về việc Hướng dẫn thực hiện chương trình chuyên sâu các môn chuyên cấp trung học phổ thông.*
- Bộ GD-ĐT (2021). *Thông tư số 09/2021/TT-BGDĐT ngày 30/3/2021 quy định về Quản lý và tổ chức dạy học trực tuyến trong cơ sở giáo dục phổ thông và cơ sở giáo dục thường xuyên.*
- Bộ Y tế (2020). *Quyết định số 219/QĐ-BYT ngày 29/01/2020 về việc bổ sung bệnh viêm đường hô hấp cấp do chủng mới của vi rút Corona (nCoV) gây ra vào danh mục các bệnh truyền nhiễm nhóm A theo quy định tại Luật Phòng, chống bệnh truyền nhiễm năm 2007.*
- Jessica, L. B., McInnis, E., & Randolph, C. (2013). *The New Frontier of Education: The Impact of Smartphone Technology in Classroom.* ASEE Southeast Section Conference.
- Jessie S. Barrot, Lan I. Llenares & Leo S. del Rosario (2021). Students' online learning challenges during the pandemic and how they cope with them: The case of the Philippines. *Education and Information Technologies*, 26, 7321-7338. <https://doi.org/10.1007/s10639-021-10589-x>
- Sở GD-ĐT Vĩnh Long (2020). *Công văn số 6428/SGDĐT-CTTT ngày 26/12/2020 về việc tăng cường công tác phòng, chống dịch bệnh Covid-19 trong ngành Giáo dục.*
- Sở GD-ĐT Vĩnh Long (2021). *Công văn số 21/SGDĐT-CTTT ngày 07/01/2021 về việc tăng cường công tác phòng, chống dịch Covid-19.*
- Trường Trung học phổ thông chuyên Nguyễn Bình Khiêm (2020). *Công văn số 207/CV-NBK ngày 26/12/2020 của Trường Trung học phổ thông chuyên Nguyễn Bình Khiêm về việc tăng cường công tác phòng, chống dịch bệnh Covid-19.*
- Trường Trung học phổ thông chuyên Nguyễn Bình Khiêm (2021). *Công văn số 11/CV-NBK ngày 07/01/2021 của Trường Trung học phổ thông chuyên Nguyễn Bình Khiêm về việc tăng cường công tác phòng, chống dịch bệnh Covid-19.*
- Unicef (2020). *Learning Online: Problems and Solutions.* <https://www.unicef.org/northmacedonia/stories/learning-online-problems-and-solutions>